

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2022/HC-ST

Ngày: 04-8-2022

V/v “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt

Bà Trần Thanh Thủy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 03 và 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 07/2022/TLST-HC ngày 20/01/2022, về việc khởi kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HC ngày 19/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐ-ST ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà N.T.X, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Phường P, thành phố B, tỉnh B.R.V.T, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N.V.K, sinh năm: 1976; Phường P, thành phố B, tỉnh B.R.V.T, có mặt.

2. Người bị kiện: - Ủy ban nhân dân thành phố B;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T.T.D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông T.T.Tr - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Ông T.H.N - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; có mặt.

Cùng địa chỉ: Phường P.H, thành phố B, tỉnh B.R.V.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/10/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B.R.V.T ban hành Quyết định số 3088/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 25/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5513/QĐ-UBND về việc thu hồi 662,9m² đất của ông (bà) L.V.Vg (chết) - bà N.T.X (đại diện) để thực hiện dự án: Trường Tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 25/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5525/QĐ-UBND Về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà): L/V/Vg (chết) - N.T.X (đại diện) và một số thửa kế chưa xác định.

Ngày 23/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2213/QĐ-UBND; Về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Bổ sung) cho ông (bà): L.V.Vg (chết) - N.T.X (người được thừa kế).

Bà N.T.X khiếu nại cho rằng vị trí đất bồi thường cho bà N.T.X không đúng, gây thiệt hại quyền lợi của bà N.T.X. Ngày 14/01/2022 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà N.T.X bác đơn khiếu nại về vị trí đất bồi thường.

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Theo Công văn số 1794/STNMT-CCQLĐĐ của sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) tỉnh B.R.V.T ngày 01/4/2019 thì áp dụng vị trí 1 để tính tiền bồi thường hỗ trợ 14 hộ dân có đất tiếp giáp mương nước thuộc công trình: Đầu tư 20km đường nội thị thành phố B (giai đoạn 1) đường N.A.N, phường L.H. Mục 2 của văn bản có đoạn: “2. Mặt khác từ trước đến nay, việc thu hồi đất của các hộ dân nằm dọc theo các tuyến quốc lộ hoặc tỉnh lộ, mà các hộ này có mặt tiền tiếp giáp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ nhưng phải ngăn cách với mép đường bởi lộ giới hoặc gian phân các hoặc mương nước hồ,... thì đều được xác định là vị trí 1 của đường đó. Ủy ban nhân dân thành phố B đã ra Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 đã bồi thường đất vị trí 1 như công văn số 1794/STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/04/2019

Công văn số 1243/STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.R.V.T "V/v xác định vị trí đất để tính bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện công trình Trường Tiểu học phường P, thành phố B. Nội dung công văn có đoạn: “Trường hợp các thửa đất (bị thu hồi thực hiện dự án Trường Tiểu học phường P) không có lối ra hợp pháp đến đường chính, chỉ tiếp giáp với mương nước thủy lợi (đất thủy lợi do nhà nước quản lý, rộng khoảng 4m nằm vuông góc với đường chính). Sau đó tiếp giáp đường hẻm (hiện là đất giao thông đường đất rộng trên 4m, do nhà nước quản lý) nối 2 đường chính (đường P.V.Đ và đường H.H.T).

Căn cứ khoản 1, điều 4 quy định định kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh thì các thửa đất này được xác định theo vị trí 5 của đường chính gần nhất là đúng quy định”; mặt khác tại mục ghi chú tuyến đường thành phố B theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T “Ghi chú: Các thửa đất tiếp giáp kênh

mương song song với đường chính (thuộc nhà nước quản lý) được tính kể từ vị trí 1 và có hệ số bằng 0,9”, theo khoản 1, điều 4 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh để xác nhận vị trí và các hệ số điều chỉnh của đất nông nghiệp và phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn và trong đô thị không thể hiện cụ thể trường hợp thửa đất của bà N.T.X.

Từ những việc và căn cứ theo các văn bản để xác định vị trí đất để tính tiền bồi thường mà UBND thành phố B áp vị trí 5 để tính bồi thường là không đủ cơ sở. Mặt khác nguồn gốc đất của bà N.T.X sử dụng hợp pháp liên tục từ năm 1975 đến nay (trong khi đó con mương là đất của bà N.T.X cùng các hộ dân tự hiến đất làm mương phục vụ tưới tiêu nước cho khu vực (năm 1991 - 1993). Với chính sách của Đảng và Nhà nước: Những gì pháp luật chưa quy định cụ thể thì tính làm sao người dân có lợi nhất. Trong khi đó cơ sở để áp vị trí đền bù đất đai là Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T không cụ thể hóa trường hợp vị trí đất của bà N.T.X, cũng theo quyết định 38/2019/QĐ-UBND này: Đất tại nông thôn tiếp giáp với đường bị ngăn cách bởi con mương được áp dụng vị trí 1 nhưng hệ số 0,9, trong trường hợp này bồi thường áp vị trí đất tại đô thị còn thấp hơn nông thôn.

Do đó, bà N.T.X khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Mục 1, Điều 1 Quyết định số 5525/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B và mục 1/II Điều 1 Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B;
- Tuyên hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B.
- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2 cho bà N.T.X.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

- Về trình tự thủ tục thu hồi đất đối với ông (bà) N.T.X:

Ngày 26/10/2017, UBND tỉnh B.R.V.T ban hành Quyết định số 3088/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 29/12/2017 UBND tỉnh B.R.V.T ban hành Quyết định số 3812/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố B.

Ngày 18/12/2018, UBND thành phố B ban hành kế hoạch số 235/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để đầu tư thực hiện công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 25/12/2018, UBND thành phố B ban hành thông báo số 1733/TB-UBND về việc thu hồi đất để đầu tư thực hiện công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B cho ông V.X.L (thửa 5; 6).

Ngày 25/12/2018, UBND thành phố B ban hành thông báo số 1734/TB-UBND về việc thu hồi đất để đầu tư thực hiện công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B cho ông P.Đ.Ng (thửa 7;8;9;10). Ngày 20/3/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1058/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ 04 thông

báo thu hồi đất ngày 25/12/2018 của UBND thành phố B để đầu tư thực hiện công trình: Trường Tiểu học phường P, thành phố B. Trong đó có thông báo số 1733/TB-UBND của ông V.X.L và 1834/TB-UBND của ông P.Đ.Ng. Lý do: Do nhầm lẫn điều tra quy chủ ban đầu (trong đó ban hành cho ông V.X.L thừa thu hồi số 6 và ông P.Đ.Ng thừa số 7).

Ngày 20/3/2019, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 231/TB-UBND về việc thu hồi đất để đầu tư thực hiện công trình: Trường tiểu học P, thành phố B cho ông (bà) L.V.Vg.

Ngày 26/3/2019, UBND phường P phối hợp với các ban ngành thành phố tiến hành họp triển khai thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Trường tiểu học phường P, thành phố B. Bà N.T.X có ký tên xác nhận tại biên bản họp công khai và nhận thông báo thu hồi đất.

Ngày 09/5/2019, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố tiến hành kiểm đếm đất đai và tài sản gắn liền với đất thuộc công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B đối với hộ ông (bà) L.V.Vg (chết) - bà N.T.X đại diện. Bà N.T.X có ký xác nhận tại biên bản kiểm đếm. Ngày 19/10/2020, UBND phường P phối hợp với các ban ngành tiến hành triển khai họp công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 25/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5513/QĐ-UBND Về việc thu hồi 662,9m² đất của ông (bà) L.V.Vg (chết) - bà N.T.X (đại diện) để thực hiện dự án: Trường tiểu học phường P, thành phố B.

Ngày 25/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5525/QĐ-UBND Về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà): L.V.Vg (chết) - N.T.X (đại diện) và một số thửa kế chưa xác định.

Bà N.T.X cũng tham dự tất cả các buổi làm việc, từ triển khai thông báo thu hồi đất, kiểm đếm công trình đến buổi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Bà N.T.X có ký xác nhận trong danh sách dự họp công khai và danh sách nhận Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường.

Về việc áp dụng vị trí 5 đường H.H.T để tính bồi thường cho hộ bà N.T.X thuộc dự án Trường Tiểu học P:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 - 31/12/2024):

“1. Cách xác định vị trí đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn và trong đô thị:

Trong trường hợp thửa đất không có lối ra hợp pháp đến đường chính thì vị trí đất được xác định là vị trí 5 của đường chính gần nhất (có khoảng cách ngắn nhất từ tâm thửa đất đến đường đó), nhưng có mức giá không cao hơn mức giá vị trí 5 thấp nhất tính theo các thửa đất có lối ra hợp pháp liền kề trực tiếp với thửa đất này.”

Thửa đất của bà N.T.X không có lối ra, chỉ tiếp giáp với mương nước rộng khoảng 4m (thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 20), sau đó tiếp giáp đường hẻm (hiện trạng là đất giao thông: đường đất rộng trên 4m, do Nhà nước quản lý) nối

02 đường chính là đường P.V.Đ và đường H.H.T. Vì vậy, căn cứ theo quy định thì thửa đất của bà N.T.X được xác định là vị trí 5.

Mặc khác, ngày 04/9/2020, UBND thành phố B có Công văn số 7101/UBND-VP về việc xin chủ trương xác định vị trí đất để tính bồi thường, hỗ trợ công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B. Theo đó, “UBND thành phố B xin chủ trương UBND tỉnh B.R.V.T và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xem xét cho chủ trương áp dụng cách xác định vị trí đất tại đô thị đối với các thửa đất thu hồi tiếp giáp ruộng nước thuộc công trình: Trường tiểu học phường P, thành phố B tương tự như các thửa đất tiếp giáp kênh ruộng, kênh song song với đường chính (thuộc Nhà nước quản lý) được tính kể từ vị trí 1 và có hệ số bằng 0,9 được quy định tại mục ghi chú thuộc Mục 2 những tuyến đường thuộc khu vực nông thôn theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T”.

Ngày 06/11/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Công văn số 7243/STNMT-CCQLĐĐ về việc xác định vị trí đất thu hồi để tính bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện công trình: Trường tiểu học P, phường P, thành phố B. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh nhận thấy: “*Trường hợp các thửa đất (bị thu hồi đất thực hiện dự án Trường tiểu học P) không có lối ra hợp pháp đến đường chính, chỉ tiếp giáp với ruộng thủy lợi (đất thủy lợi do Nhà nước quản lý, rộng khoảng 4m, nằm vuông góc với đường chính), sau đó tiếp giáp đường hẻm (hiện trạng là đất giao thông: đường đất rộng trên 4m, do Nhà nước quản lý) nối 02 đường chính (đường P.V.Đ và đường H.H.T). Căn cứ Khoản 1, Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T thì các thửa đất này được xác định theo vị trí 5 của đường chính gần nhất là đúng quy định.*

Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND thành phố B căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T để xác định vị trí đất tính bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án: Trường tiểu học P, nhằm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đảm bảo công bằng đối với người có đất thu hồi thuộc dự án khác trên địa bàn tỉnh”

Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 - 31/12/2024) và Công văn số 7243/STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thì UBND thành phố B xác định vị trí 5 để tính bồi thường đối với thửa đất thu hồi của bà là đúng theo quy định. Do đó, nội dung bà N.T.X khiếu nại bồi thường vị trí 2 đường H.H.T là không có cơ sở.

Như vậy, việc áp dụng vị trí tính bồi thường đất nông nghiệp vị trí 5 tính theo đường H.H.T cho bà N.T.X là đúng theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm với yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh B.R.V.T về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B.R.V.T ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-

UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh B.R.V.T, việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 5525 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà): L.V.Vg (chết) - N.T.X (đại diện) và một số thửa kế chưa xác định, là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên các Quyết định bị kiện của UBND thành phố B.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B.R.V.T phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Xét về nội dung:

Để đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học phường P, thành phố B, UBND thành phố B đã tiến hành thu hồi 662,9m² đất và thu hồi 499,2m² đất còn lại của hộ bà N.T.X, đồng thời phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà N.T.X.

Vị trí thửa đất của hộ bà N.T.X không có lối ra, chỉ tiếp giáp với mương nước rộng khoảng 4m (thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 20), sau đó tiếp giáp đường hẻm (hiện trạng là đất giao thông: đường đất rộng trên 4m, do Nhà nước quản lý) nối 02 đường chính là đường P.V.Đ và đường H.H.T, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T; vì vậy UBND thành phố B thửa đất của hộ bà N.T.X được xác định là vị trí 5 là đúng. Người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc đã hiến đất để làm mương nước, cũng như diện tích đất thu hồi tiếp giáp với đường giao thông công cộng.

Như vậy, UBND thành phố B xác định vị trí 5 để tính bồi thường đối với đất thu hồi của hộ bà N.T.X tại Quyết định số 5525, Quyết định số 2213 và Chủ tịch UBND thành phố B Quyết định 147 là đúng theo quy định. Do đó, bà N.T.X yêu cầu bồi thường theo vị trí 2 đường H.H.T là không có cơ sở.

Bởi các lẽ trên,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.R.V.T đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà N.T.X về việc yêu cầu hủy mục 1, Điều 1 Quyết định số 5525/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố B; Mục 1, phần II, Điều 1 Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND thành phố B; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Bác yêu cầu buộc UBND thành phố B bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2 theo đường H.H.T cho bà N.T.X.

Án phí hành chính sơ thẩm, bà N.T.X được miễn nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Bà N.T.X khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Mục 1, Điều 1 Quyết định số 5525/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố B (Gọi tắt là *Quyết định số 5525*) và mục 1/II Điều 1 Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND thành phố B; (Gọi tắt là *Quyết định số 2213*); hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B (Gọi tắt là *Quyết định số 147*); Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2 cho bà N.T.X

Xét thấy, các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/12/2021, bà N.T.X nộp đơn khởi kiện với Quyết định số 5525 và ngày 19/7/2022 bà N.T.X nộp đơn khởi kiện bổ sung với Quyết định số 2213 và Quyết định số 147 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Thẩm quyền ban hành các quyết định: Quyết định số 5525, Quyết định số 2213, Quyết định số 147 được ban hành đúng quy định Luật Đất đai năm 2013 và Luật khiếu nại năm 2011.

[5] Về xác định các đương sự: Trong vụ án Hành chính Tòa án chỉ xem xét việc bà N.T.X khởi kiện Quyết định số 5525, Quyết định số 2213, Quyết định số 147, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2 cho bà N.T.X. Tòa án không giải quyết các tranh chấp về thừa kế, về quyền sử dụng đất và tài sản giữa các đương sự, nếu có người nào tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án Dân sự. Do đó, việc xác định các đương sự trong vụ án đã đảm bảo tố tụng Hành chính.

[6]: Về nội dung:

[6.1] Bà N.T.X yêu cầu bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2:

Xét thấy: Để đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học phường P, thành phố B, tỉnh B.R.V.T. Ủy ban nhân dân thành phố B đã thu hồi 662,9m² đất và 499,2m² đất nông nghiệp tại phường P, thành phố B của hộ bà N.T.X, đồng thời phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà N.T.X. Diện tích đất của bà N.T.X bị thu hồi không có lỗi hợp pháp, chỉ tiếp giáp với ruộng nước rộng khoảng 4m (thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 20), sau đó mới tiếp giáp đường hẻm (đường đất rộng trên 4m, do Nhà nước quản lý) nối 02 đường chính là đường P.V.Đ và đường H.H.T.

Tại khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T quy định:

“1. Cách xác định vị trí đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn và trong đô thị:

Trong trường hợp thửa đất không có lối ra hợp pháp đến đường chính thì vị trí đất được xác định là vị trí 5 của đường chính gần nhất (có khoảng cách ngắn nhất từ tâm thửa đất đến đường đó), nhưng có mức giá không cao hơn mức giá vị trí 5 thấp nhất tính theo các thửa đất có lối ra hợp pháp liền kề trực tiếp với thửa đất này.”

Như vậy, căn cứ khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B.R.V.T thì UBND thành phố B xác định vị trí 5 để tính bồi thường đối với thửa đất thu hồi của bà N.T.X là đúng quy định pháp luật. Do đó, bà N.T.X yêu cầu bồi thường vị trí 2 đường H.H.T là không có cơ sở chấp nhận.

[6.2] Từ phân tích và nhận định trên thì Quyết định số 5525, Quyết định số 2213, Quyết định số 147 được ban hành đúng pháp luật, nên các yêu cầu khởi kiện của bà N.T.X không có căn cứ chấp nhận.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh B.R.V.T đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.T.X là có cơ sở như phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Từ các phân tích, nhận định trên và quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.T.X.

[9] Án phí sơ thẩm: Bà N.T.X là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp án phí, nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1, Điều 4 tại Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.R.V.T;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà N.T.X yêu cầu:

- Tuyên hủy Mục 1, Điều 1 Quyết định số 5525/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B và Mục 1/II Điều 1 Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà N.T.X (người thừa kế).

- Tuyên hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà N.T.X.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường đất nông nghiệp vị trí 2 cho bà N.T.X.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà N.T.X được miễn nộp án phí.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Thiện